

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TKD24B2**

Năm học: **24-25**

Mã MH/MĐ: **MH02107**

Học kỳ: **02**

Tên MH/MĐ: **Kỹ năng mềm**

Số TC: **2**

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1			Hệ số 2			Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2453403020074	Huỳnh Băng	Băng	26/07/2009			9	8.0	8.0		9.8		9.2
2	2453403020075	Võ Thị Kim	Chi	19/06/2009			8	8.0	8.0		9.5		8.9
3	2453403020076	Trần Khánh	Duy	03/02/2009			8	5.0	8.0		6.8		6.8
4	2453403020077	Nguyễn Mỹ	Duyên	06/08/2009			10	8.0	9.0		6.8		7.6
5	2453403020078	Hà Phong	Đạt	05/08/2009			5	5.0	8.0		6.8		6.6
6	2453403020079	Kiều Thanh	Đức	29/04/2008			5	5.0	8.0		0.0	0.0	2.5
7	2453403020080	Âu Kỳ Hiếu	Em	23/04/2009			5	5.0	8.0		8.8		7.8
8	2453403020081	Huỳnh Gia	Hân	25/07/2009			9	8.0	8.0		10.0		9.3
9	2453403020082	Lâm Kiến	Hồng	19/09/2009			8	8.0	7.0		9.0		8.4
10	2453403020083	Nguyễn Thị Cẩm	Hồng	17/04/2009			8	8.0	7.0		9.5		8.7
11	2453403020084	Dương Lê	Huy	08/10/2009			8	8.0	7.0		8.5		8.1
12	2453403020086	Nguyễn Đình	Lợi	16/08/2009			8	7.0	7.0		9.5		8.6
13	2453403020087	Nur Juliy Ah	Mach	29/05/2008			5	5.0	8.0		0.0	0.0	2.5
14	2453403020088	Trần Gia	Mãng	25/09/2009			8	7.0	8.0		6.3		6.8
15	2453403020089	Thái Hoàng	Minh	14/06/2009			0	0.0	0.0		CT		0.0
16	2453403020090	Nguyễn Thị Thúy	Ngân	02/06/2001			8	9.0	9.0		10.0		9.5
17	2453403020091	Lê Bảo	Ngọc	04/10/2009			5	6.0	8.0		6.3		6.4
18	2453403020092	Trần Kim	Ngọc	16/05/2009			5	6.0	8.0		6.3		6.4
19	2453403020093	Đặng Thị Mỹ	Như	15/01/2009			8	8.0	8.0		7.3		7.6
20	2453403020094	Phạm Hoàng	Phúc	04/04/2009			0	0.0	0.0		CT		0.0
21	2453403020095	Siti	Saphira	18/03/2009			8	7.0	9.0		8.3		8.2
22	2453403020096	Bùi Đăng Hữu	Tài	16/04/2009			5	8.0	7.0		6.0		6.4
23	2453403020097	Nguyễn Thọ	Thành	29/12/2009			8	8.0	8.0		9.3		8.8
24	2453403020098	Dương Nhật	Thì	04/05/2009			8	8.0	8.0		9.0		8.6
25	2453403020099	Nguyễn Thị Ngọc	Trang	07/08/2009			8	8.0	9.0		10.0		9.4
26	2453403020100	Trịnh Phú	Trạng	04/03/2008			7	7.0	7.0		6.5		6.7
27	2453403020102	Phan Thái Ngọc	Trâm	28/08/2009			8	8.0	8.0		5.5		6.5
28	2453403020103	Đinh Đào Thanh	Trúc	30/07/2009			8	8.0	8.0		8.5		8.3
29	2453403020104	Hồ Thị Cẩm	Tú	30/12/2009			5	8.0	7.0		7.3		7.2
30	2453403020105	Nguyễn Huỳnh Kim	Tuyền	11/08/2009			8	8.0	9.0		5.0		6.4
31	2453403020106	Đinh Phạm Mỹ	Uyên	09/11/2009			8	8.0	9.0		8.0		8.2
32	2453403020107	Nguyễn Thị Kim	Uyên	08/01/2009			8	8.0	8.0		7.8		7.9
33	2453403020108	Nguyễn Thị Mai	Vàng	19/09/2009			8	8.0	7.0		5.5		6.3
34	2453403020109	Lâm Yến	Vy	04/02/2009			8	8.0	7.0		6.8		7.1
35	2453403020110	Nguyễn Tường	Vy	15/10/2009			8	8.0	7.0		7.8		7.7
36	2453403020111	Lâm Xuân	Yến	11/08/2009			8	8.0	8.0		8.8		8.5

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1	Hệ số 2	Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
-----	------	--------	-----------	---------	---------	--------	--------	------------

Châu Đốc, ngày 29 tháng 7 năm 2025

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Trương Quốc Bình